TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3592/2023/KDTM-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm
2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức– Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng D – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4857/2023/QĐXXST–KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5541/2023/QĐST–KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T
Địa chỉ: C X, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Trọng H
Đại diện theo ủy quyền: ông Cao Thanh L (có mặt)
Địa chỉ: C X, Phường A, quận B.
(Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2022)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ
Địa chỉ: H T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức H1
Địa chỉ: H T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Hoàng H2 (vắng mặt)

Địa chỉ: H T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty V) có đại diện theo ủy quyền ông Cao Thanh L trình bày:

Vào ngày 23/8/2019 Công ty V và Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) ký kết hợp đồng mua bán số 222/HĐMB/VNPRO, về việc mua bán xi măng xá.

Khi đặt hàng, Công ty Đ sẽ gửi đơn đặt hàng bằng văn bản cho Công ty V, trong đó ghi rõ số lượng, quy cách, chủng loại, đơn giá, điều kiện giao nhận, thời gian giao nhận hàng… trước 03 ngày để Công ty V chuẩn bị. Vào ngày 30 mỗi tháng, hai bên cùng tiến hành lập biên bản đối chiếu khối lượng đơn hàng trong tháng, ghi rõ số lượng đã nhận, số tiền Công ty Đ phải thanh toán. Các biên bản đối chiếu là cơ sở để Vnproperty xuất hóa đơn VAT cho Công ty Đ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã thực hiện đúng đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng Công ty Đ thường xuyên chậm thanh toán, không thanh toán đầy đủ công nợ đến hạn.

Vì vậy Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền hàng còn nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 11/11/2022 theo mức lãi suất 10,5%, số tiền lãi là 98.364.271 đồng.

Ngày 26/6/2023 đại diện theo ủy quyền của Công ty V trình bày vào ngày 01/11/2022 Công ty Đ thanh toán cho Công ty V 20.000.000 đồng và ngày 01/01/2023 Công ty Đ thanh toán tiếp 20.000.000 đồng, do vậy số tiền mua hàng còn nợ là 160.000.000 đồng. Yêu cầu Công ty Đ thanh toán nợ gốc 160.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/5/2023 là 109.230.644 đồng.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2023 và biên bản hòa giải ngày 26/6/2023 Bị đơn Công ty cổ phần Đ có đại diện theo ủy quyền ông Hồ Hoàng H2 trình bày:

Công ty Đ xác nhận còn nợ Công ty V số tiền 160.000.000 theo hợp đồng mua bán số 222/HĐMB/VNPRO và các biên bản đối chiếu công nợ như phía đại diện nguyên đơn trình bày, Công ty Đ cam kết thanh toán nợ gốc còn lại cho Công ty V. Do Công ty Đ đang khó khăn về tài chính đề nghị Công ty V bỏ tiền lãi.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Đ thanh toán tiền hàng còn nợ 160.000.000 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày bị đơn xác nhận công nợ tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/3/2021 trên dư nợ giảm dần theo mức lãi suất 10,5%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi 59.373.977 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của nguyên đơn, xác nhận của bị đơn. Căn cứ Điều 24, Điều 50 Luật thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền hàng còn nợ cho nguyên đơn là 160.000.000 đồng.

Về tiền lãi: căn cứ Điều 2 Hợp đồng mua bán số 222/HĐMB/VNPRO ngày 23/8/2019, căn cứ Điều 306 Luật thương mại, căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10,5%/năm.

- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty V yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền mua hàng còn thiếu theo hợp đồng mua bán số 222/HĐMB/VNPRO ngày 23 tháng 8 năm 2019 nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 5.3 Điều 5 Hợp đồng đôi bên thỏa thuận: "*Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết được thì vụ việc sẽ được đưa lên Tòa án tại*

nơi bên A (bên bán) đặt trụ sở chính giải quyết". Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bên A (Công ty V) có trụ sở chính tại: C X, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty Đ có đại diện theo ủy quyền ông Hồ Hoàng H2 đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định vào ngày 23 tháng 8 năm 2019 Công ty V ký kết hợp đồng kinh tế số: 222/HĐMB/VNPRO-2019 với Công ty Đ, nội dung hợp đồng Công ty V cung cấp cho Công ty Đ hàng hóa là xi măng xá; Vào ngày 30 mỗi tháng, hai bên cùng tiến hành lập biên bản đối chiếu khối lượng đơn hàng trong tháng, ghi rõ số lượng đã nhận, số tiền Công ty Đ phải thanh toán. Các biên bản đối chiếu là cơ sở để Vnproperty xuất hóa đơn VAT cho Công ty Đ.

Về thời hạn thanh toán: Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty V 100% giá trị hàng hóa thực nhận trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng hoặc khi tổng số nợ của Công ty Đ bằng hoặc vượt hạn mức tín dụng 500.000.000 đồng (tùy điều kiện nào đến trước).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ không thanh toán đầy đủ công nợ đến hạn. Căn cứ công văn số 205/CV-DIC ngày 26/5/2023 của Công ty Đ cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại bản tự khai, biên bản hòa giải xác nhận Công ty Đ còn nợ Công ty V số tiền 160.000.000 đồng. Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại**,** nguyên đơn Công ty V yêu cầu bị đơn Công ty Đ phải trả số tiền hàng còn nợ 160.000.000 đồng, trả làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền lãi:

Tại khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng mua bán số 222/HĐMB/VNPRO-2019 ngày 23 tháng 8 năm 2019 quy định về thời hạn thanh toán: "*Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty V 100% giá trị hàng hóa thực nhận trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng*".

Và tại khoản 2.5 Điều 2 của Hợp đồng quy định: "*nếu bên B thanh toán trễ hạn theo quy định thì bên A có quyền tạm ngừng cấp hàng mà không chịu bất kỳ trách nhiệm nào cho đến khi bên B thanh toán hết số tiền quá hạn cho*

bên A. Đồng thời, bên B phải chịu thêm phần lãi phạt quá hạn cho tổng số tiền quá hạn trên (lãi suất phạt quá hạn được tính theo lãi suất cho vay của các ngân hàng T1 tại thời điểm thanh toán". Căn cứ thỏa thuận này thì Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng cho Công ty V trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng, ngày kế tiếp sau khi hết thời hạn 30 ngày mà không thanh toán xem như nợ quá hạn.

Về mức lãi suất áp dụng:

Căn cứ công văn số 521/CV-CNĐSG-P.TH ngày 17/7/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần T1 – Chi nhánh Đ1 lãi suất cho vay trong hạn 12%/năm; căn cứ công văn số 347/NHNo.CN9-KTNB ngày 21/4/2023 của Ngân hàng N – Chi nhánh I lãi suất cho vay trong hạn 11,1%/năm; căn cứ công văn số 279/GĐI-KT ngày 21/4/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần T1 – Chi nhánh G lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 10,5%/năm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 26/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo dư nợ giảm dần. Hội đồng xét xử xét: Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ số 29/BBĐCCN/VNPRO/2021 ngày 25/3/2021 giữa Công ty V và Công ty Đ, theo đó Công ty Đ xác nhận còn nợ Công ty V số tiền 386.534.840 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm trên dư nợ giảm dần là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tiền lãi được tính:

Từ ngày 26/3/2021 đến ngày 30/4/2021: 386.534.840 đồng x 36 ngày x 10,5%/365 ngày = 4.003.618 đồng

Từ ngày 01/5/2021 đến 30/9/2021: 300.000.000 đồng x 153 ngày x 10,5%/365 ngày = 13.204.110 đồng

Từ ngày 01/10/2021 đến 30/11/2021: 280.000.000 đồng x 61 ngày x 10,5%/365 ngày = 4.913.425 đồng

Từ ngày 01/12/2021 đến 31/12/2021: 260.000.000 đồng x 31 ngày x 10,5%/365 ngày = 2.318.630 đồng

Từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022: 240.000.000 đồng x 31 ngày x 10,5%/365 ngày = 2.140.274 đồng

Từ ngày 01/02/2022 đến 30/07/2022: 240.000.000 đồng x 180 ngày x 10,5%/365 ngày = 12.427.397 đồng

Từ ngày 01/8/2022 đến 31/8/2022: 220.000.000 đồng x 31 ngày x 10,5%/365 ngày = 1.961.918 đồng

Từ ngày 01/09/2022 đến 30/09/2022: 200.000.000 đồng x 30 ngày x 10,5%/365 ngày = 1.726.027 đồng

Từ ngày 01/10/2022 đến 31/10/2022: 200.000.000 đồng x 31 ngày x 10,5%/365 ngày = 1.783.562 đồng

Từ ngày 01/11/2022 đến 30/11/2022: 180.000.000 đồng x 30 ngày x 10,5%/365 ngày = 1.553.425 đồng

Từ ngày 01/12/2022 đến 31/12/2022: 180.000.000 đồng x 31 ngày x 10,5%/365 ngày = 1.605.205 đồng

Từ ngày 01/01/2023 đến 31/01/2023: 160.000.000 đồng x 31 ngày x 10,5%/365 ngày = 1.426.849 đồng

Từ ngày 01/02/2023 đến 12/09/2023: 160.000.000 đồng x 224 ngày x 10,5/365 ngày = 10.310.137 đồng

Tổng số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 59.373.977 đồng.

[3]. Theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn số tiền hàng còn nợ 160.000.000 đồng nguyên đơn đã xuất hóa đơn VAT cho bị đơn. Căn cứ khoản 1.2 Điều 1 và khoản 3.4 Điều 3 Hợp đồng số 222/HĐMB/VNPRO-2019 ngày 23 tháng 8 năm 2019, xét lời khai của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp.

[4]. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm, số tiền là: 5% x 219.373.977 đồng = 10.968.698 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn 7.459.107 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2022/007292 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 306, Điều 310 của Luật Thương mại;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 219.373.977 đồng (hai trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi bảy đồng) bao gồm nợ gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi 59.373.977 đồng theo hợp đồng mua bán số 222/HĐMB/VNPRO-2019 ngày 23 tháng 8 năm 2019, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần Đ phải nộp 10.968.698 đồng (mười triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi tám đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 7.459.107 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn một trăm lẻ bày đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2022/007292 ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mai Trâm